

# **Công ty Cổ phần Hùng Vương**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019



# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 46

# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5303000053 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Giấy phép số 141/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu; chế biến thức ăn thủy sản; và kinh doanh kho lạnh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch
Bà Lê Kim Phụng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ký	Thành viên
Ông Lê Nam Thành	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Ngọc Vân	Trưởng ban
Ông Huỳnh Tấn Trương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Ngọc Minh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Kim Phụng	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Dương Ngọc Minh.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Hùng Vương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 9 tháng 1 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Tập đoàn để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Ngày 9 tháng 1 năm 2020



Số tham chiếu: 60859962/21026003

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hùng Vương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hùng Vương (“Công ty”), được lập vào ngày 9 tháng 1 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 trong báo cáo tài chính riêng về khoản lỗ thuần của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 1.064.809.083.630 VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 1.494.442.228.458 VND và tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 660.768.398.950 VND. Những điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 20.1 của báo cáo tài chính riêng trình bày về việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 và các biện pháp được Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện để khắc phục lợi nhuận chưa phân phối lũy kế bị âm tại ngày chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 4177-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 1 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.685.214.605.523</b>	<b>5.602.330.253.882</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>77.152.144.192</b>	<b>351.738.057.949</b>
111	1. Tiền		42.152.144.192	316.738.057.949
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.000.000.000	35.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.199.117.826.556</b>	<b>3.442.044.625.781</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.825.116.565.536	2.777.394.724.620
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	282.943.688.636	223.126.615.798
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	775.595.796.252	950.384.676.538
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(684.538.223.868)	(508.861.391.175)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.256.931.425.261</b>	<b>1.622.156.004.133</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.268.611.882.629	1.633.836.461.501
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.680.457.368)	(11.680.457.368)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>152.013.209.514</b>	<b>186.391.566.019</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		212.903.253	394.579.692
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	92.674.270.009	126.136.174.126
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	59.126.036.252	59.860.812.201
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.452.806.303.676</b>	<b>1.893.602.476.846</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>38.300.590.632</b>	<b>50.633.283.578</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	36.620.223.547	48.888.227.505
222	Nguyên giá		222.349.442.351	222.299.442.351
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(185.729.218.804)	(173.411.214.846)
227	2. Tài sản cố định vô hình		1.680.367.085	1.745.056.073
228	Nguyên giá		2.962.450.726	2.962.450.726
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.282.083.641)	(1.217.394.653)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>65.649.460.966</b>	<b>64.285.560.966</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	65.649.460.966	64.285.560.966
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.327.977.642.790</b>	<b>1.722.227.254.115</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con	12.1	1.135.685.739.697	1.218.670.739.697
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2	730.456.481.998	730.456.481.998
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	2.440.000.000	2.240.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12.1, 12.2	(540.604.578.905)	(229.139.967.580)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>20.878.609.288</b>	<b>56.456.378.187</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.920.508.945	16.462.466.672
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.4	5.958.100.343	39.993.911.515
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.138.020.909.199</b>	<b>7.495.932.730.728</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.346.558.154.423</b>	<b>5.639.660.892.322</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.345.983.004.473</b>	<b>5.639.095.692.372</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.359.144.621.778	2.973.342.044.391
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	136.086.903.255	164.380.444.190
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	68.606.652	-
314	4. Phải trả người lao động	16	60.660.350	1.661.741.547
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	167.008.770.191	84.229.604.661
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	190.152.143.158	743.717.029.191
320	7. Vay ngắn hạn	19	1.493.461.299.089	1.671.764.828.392
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>575.149.950</b>	<b>565.199.950</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		575.149.950	565.199.950
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>791.462.754.776</b>	<b>1.856.271.838.406</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>791.462.754.776</b>	<b>1.856.271.838.406</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.270.382.910.000	2.270.382.910.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		2.270.382.910.000	2.270.382.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.796.819.000	62.796.819.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(50.963.000.000)	(50.963.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.688.254.234	3.688.254.234
421	5. Lỗ lũy kế		(1.494.442.228.458)	(429.633.144.828)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(429.633.144.828)	(619.895.400.801)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế năm nay		(1.064.809.083.630)	190.262.255.973
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.138.020.909.199</b>	<b>7.495.932.730.728</b>



Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập



Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 1 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.891.596.183.197	4.233.140.567.731
02	2. Các khoản giảm trừ	21.1	(12.359.003.124)	(43.248.067.757)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.879.237.180.073	4.189.892.499.974
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(2.911.326.803.792)	(4.258.218.390.943)
20	5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(32.089.623.719)	(68.325.890.969)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	4.834.960.574	758.885.690.644
22	7. Chi phí tài chính	23	(501.166.704.357)	(324.270.391.627)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(171.348.463.210)	(142.049.582.403)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(197.154.991.567)	(144.267.538.891)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(228.187.378.958)	(112.359.314.456)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(953.763.738.027)	109.662.554.701
31	11. Thu nhập khác	25	18.063.794	101.632.193.305
32	12. Chi phí khác	25	(77.027.598.225)	(10.625.167.601)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	25	(77.009.534.431)	91.007.025.704
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.030.773.272.458)	200.669.580.405
51	15. Chi phí thuế TNDN		-	(4.760.447.910)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.4	(34.035.811.172)	(5.646.876.522)
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(1.064.809.083.630)	190.262.255.973

  
Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập

  
Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng

  
Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 1 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>(1.030.773.272.458)</b>	<b>200.669.580.405</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		12.382.692.946	17.981.151.850
03	Dự phòng		487.141.444.018	249.664.328.313
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.774.579.819	(20.662.181.852)
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		4.117.804.676	(839.083.959.980)
06	Chi phí lãi vay	23	171.348.463.210	142.049.582.403
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(348.008.287.789)</b>	<b>(249.381.498.861)</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		84.140.109.842	(370.658.361.399)
10	Giảm hàng tồn kho		365.224.578.872	315.248.938.527
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(224.137.261.874)	430.413.009.724
12	Giảm chi phí trả trước		1.723.634.166	24.443.336.830
14	Tiền lãi vay đã trả		(90.445.012.529)	(133.793.762.496)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	1.932.179.813
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(211.502.239.312)</b>	<b>18.203.842.138</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(1.413.900.000)	-
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	146.099.878.796
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(185.770.000.000)	(5.994.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		288.089.777.331	1.125.853.265.050
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.316.653.372	143.567.295.822
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>115.222.530.703</b>	<b>1.409.526.439.668</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.330.644.036.186	2.339.853.583.816
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(1.508.947.565.489)	(3.511.774.619.877)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(178.303.529.303)</b>	<b>(1.171.921.036.061)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(274.583.237.912)	255.809.245.745
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		351.738.057.949	94.843.406.443
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.675.845)	1.085.405.761
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	77.152.144.192	351.738.057.949

  
Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập

  
Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng

  
Dương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 1 năm 2020



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hùng Vương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5303000053 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo giấy phép niêm yết số 141/QĐ-SDGHCM do HOSE cấp ngày 16 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện hành của Công ty là nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu; chế biến thức ăn thủy sản; và kinh doanh kho lạnh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô 44, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 515 (ngày 30 tháng 9 năm 2018: 517).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Giả định về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 là 1.064.809.083.630 VND. Cũng tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 1.494.442.228.458 VND, tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 660.768.398.950 VND. Ngoài ra, Công ty có các khoản vay đến hạn trả chưa được thanh toán tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đã lập dòng tiền kế hoạch và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và cổ tức dự kiến thu về từ các công ty con trong mảng heo. Theo đó, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty đang trong quá trình xin sự phê duyệt của ngân hàng cho việc gia hạn thời hạn thanh toán các khoản vay. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 12.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất") vào ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.5 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 9.

**2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực-hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	41 năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	6 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	3 năm
Tài sản khác	3 năm

**3.7 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát, được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư*

Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	12.502.040.743	6.103.030.754
Tiền gửi ngân hàng	29.650.103.449	310.635.027.195
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	35.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.152.144.192</b>	<b>351.738.057.949</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi đang áp dụng.

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp các khoản tiền gửi tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

*Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ:*

VND  
Năm nay

**Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác  
bằng căn trừ công nợ

227.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	2.361.620.000.067	2.206.308.913.133
- Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	561.819.101.677	-
- GF Seafood Corp	507.641.594.931	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Số 4 - Đồng Tâm	-	638.713.563.019
- Khách hàng khác	1.292.159.303.459	1.567.595.350.114
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	463.496.565.469	571.085.811.487
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.825.116.565.536</b>	<b>2.777.394.724.620</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(597.928.582.247)	(508.861.391.175)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.227.187.983.289</b>	<b>2.268.533.333.445</b>

Chi tiết phải thu khách hàng được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	1.362.942.650.105	1.775.384.141.324
Khách hàng nước ngoài	1.462.173.915.431	1.002.010.583.296
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.825.116.565.536</b>	<b>2.777.394.724.620</b>
Trong đó, ngoại tệ:		
Đô la Mỹ (USD)	63.230.176	43.015.030
Euro (EUR)	7.037	7.037

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một số khoản phải thu khách hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	508.861.391.175	450.390.938.398
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	92.252.684.868	76.117.906.923
Trừ: Hoàn nhập/xóa sổ dự phòng trong năm	(3.185.493.796)	(17.647.454.146)
Số cuối năm	597.928.582.247	508.861.391.175



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	277.054.999.250	222.431.054.012
- Glencore Grain B.V.Blaak	75.056.504.945	75.056.504.945
- Ông Châu Duy Cường	-	40.083.834.518
- Khác	201.998.494.305	107.290.714.549
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	5.888.689.386	695.561.786
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>282.943.688.636</b>	<b>223.126.615.798</b>
Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi	(86.609.641.621)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>196.334.047.015</b>	<b>223.126.615.798</b>

Chi tiết của các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	198.413.062.407	138.595.989.569
Nhà cung cấp nước ngoài	84.530.626.229	84.530.626.229
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>282.943.688.636</b>	<b>223.126.615.798</b>
Trong đó, ngoại tệ: USD	3.710.895	3.710.895

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng hoàn lại phải thu	634.176.903.828	576.683.970.240
Phải thu từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	30.000.480.758	30.000.480.758
Ký quỹ cho khoản vay (*)	20.630.938.672	20.630.938.672
Cổ tức phải thu	4.169.353.806	13.978.811.854
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	-	255.959.777.331
Khác	86.618.119.188	53.130.697.683
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>775.595.796.252</b>	<b>950.384.676.538</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>775.595.796.252</b>	<b>950.384.676.538</b>
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	556.709.199.208	723.710.519.463
Bên thứ ba	218.886.597.044	226.674.157.075

(\*) Như đã được đề cập trong Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp khoản ký quỹ có giá trị 20 tỷ VND nhằm bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 8. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Dự phòng	
Folgender Ltd	134.545.920.220	80.186.539.412	54.359.380.808	80.186.539.412	148.333.049.440
Frigorificos Hv6 S.L	90.966.775.834	90.660.501.334	306.274.500	80.608.609.329	10.908.289.555
Grupo Amatista	59.348.729.000	59.348.729.000	-	58.195.082.000	-
K&M Seafood	58.570.842.700	58.570.842.700	-	57.407.016.020	-
Products Mexico	45.671.177.707	45.671.177.707	-	44.783.401.035	-
Blue Is INC	62.209.468.014	43.546.627.610	18.662.840.404	-	62.209.468.014
Công ty TNHH Vạn Đạt	49.453.798.117	28.314.601.435	21.139.196.682	28.314.601.435	21.496.494.327
SLS Company Co., Ltd.	379.579.054.042	278.239.204.670	101.339.849.372	159.366.141.944	267.147.853.834
Khác					
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>880.345.765.634</b>	<b>684.538.223.868</b>	<b>195.807.541.766</b>	<b>508.861.391.175</b>	<b>510.095.155.170</b>

### 9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Thành phẩm	718.939.878.658	-	956.598.919.429	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	500.906.263.443	-	437.553.046.631	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.793.062.402	-	147.137.913.002	-	-
Hàng hóa	18.972.678.126	(11.680.457.368)	92.546.582.439	(11.680.457.368)	(11.680.457.368)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.268.611.882.629</b>	<b>(11.680.457.368)</b>	<b>1.633.836.461.501</b>	<b>(11.680.457.368)</b>	<b>(11.680.457.368)</b>

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một số hàng tồn kho để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước	VND
Số đầu năm và cuối năm	11.680.457.368	11.680.457.368	11.680.457.368

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Số đầu năm	118.051.183.576	80.249.749.539	23.058.230.991	562.657.745	377.620.500	222.299.442.351
Mua mới trong năm	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000
Số cuối năm	118.051.183.576	80.249.749.539	23.058.230.991	612.657.745	377.620.500	222.349.442.351
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	53.242.189.664	71.362.039.800	6.768.570.763	562.657.745	377.620.500	132.313.078.472
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	81.887.023.310	77.046.770.013	13.537.143.278	562.657.745	377.620.500	173.411.214.846
Khấu hao trong năm	7.171.910.040	2.306.723.594	2.838.536.991	833.333	-	12.318.003.958
Số dư cuối năm	89.058.933.350	79.353.493.607	16.375.680.269	563.491.078	377.620.500	185.729.218.804
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	36.164.160.266	3.202.979.526	9.521.087.713	-	-	48.888.227.505
Số cuối năm	28.992.250.226	896.255.932	6.682.550.722	49.166.667	-	36.620.223.547
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	28.992.250.226	896.255.932	6.682.550.722	-	-	36.571.056.880



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất (*)	64.285.560.966	64.285.560.966
Chi phí sửa chữa kho lạnh	1.363.900.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.649.460.966</b>	<b>64.285.560.966</b>

(\*) Khoản này chủ yếu thể hiện giá trị tiền thuê đất trả tiền một lần cho các lô đất C10-C12 tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo hợp đồng thuê lại đất số 9/HĐTĐ/HIPC.09 ngày 9 tháng 11 năm 2009.

Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp giá trị tiền thuê đất nhằm bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 12.1</i> )	1.135.685.739.697	1.218.670.739.697
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh ( <i>Thuyết minh số 12.2</i> )	730.456.481.998	730.456.481.998
Đầu tư vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh số 12.3</i> )	2.440.000.000	2.240.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(540.604.578.905)	(229.139.967.580)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.327.977.642.790</b>	<b>1.722.227.254.115</b>

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang ("AGF") (i)	chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	79,58	447.630.839.697	79,58	447.630.839.697
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	nuôi trồng; chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	90,00	180.000.000.000	90,00	180.000.000.000
Công ty TNHH Châu Á ("ASI") (ii)	nuôi trồng; chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	94,00	146.634.000.000	95,91	140.864.000.000
Công ty Cổ phần Châu Âu	nuôi trồng; chế biến và xuất khẩu thủy sản	Đang hoạt động	80,00	128.000.000.000	80,00	128.000.000.000
Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định (iii)	chăn nuôi lợn, bán buôn động vật sống, mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100,00	100.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng An Giang (iv)	chăn nuôi lợn, bán buôn động vật sống, mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	100,00	80.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Xuất khẩu Tác Vân	sản xuất, chế biến và xuất khẩu tôm	Đang hoạt động	66,78	53.420.900.000	66,78	53.420.900.000
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc (v)	phát triển bất động sản	Đang hoạt động	-	-	76,00	236.625.000.000



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc (vi)	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm	Đang hoạt động	-	-	51,00	32.130.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.135.685.739.697</b> (402.949.465.565)		<b>1.218.670.739.697</b> (134.226.457.011)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				<b>732.736.274.132</b>		<b>1.084.444.282.686</b>

(i) Công ty đã thế chấp 19.000.000 cổ phiếu AGF để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

(ii) Công ty đã thế chấp toàn bộ phần vốn góp tại ASI để đảm bảo cho khoản vay của ASI tại ngân hàng thương mại.

(iii) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng Bình Định ("Việt Thắng Bình Định") từ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng. Việc nhận chuyển nhượng trên đã được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định chấp thuận bằng việc cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh Số 4101456396 vào ngày 14 tháng 6 năm 2019.

(iv) Vào ngày 1 tháng 4 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 100% vốn góp trong Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng An Giang ("Việt Thắng An Giang") từ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng. Việc nhận chuyển nhượng trên đã được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang chấp thuận bằng việc cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh Số 1601984889 vào ngày 5 tháng 6 năm 2019.

(v) Vào ngày 12 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định số 02/04/QĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Đại hội Đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc ("ALR") đã quyết định giảm vốn điều lệ của ALR từ 300.000.000 VND xuống 2.000.000.000 VND và đồng thời thay đổi cơ cấu cổ đông của ALR. Việc giảm vốn điều lệ và thay đổi cơ cấu cổ đông đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh vào ngày 23 tháng 4 năm 2019. Theo đó, ALR đã hoàn trả lại cho Công ty số tiền là 227.800.000.000 VND thông qua cán trừ công nợ đồng thời tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ALR sau điều chỉnh là 10% tương ứng với số tiền là 200.000.000 VND.

(vi) Vào ngày 10 tháng 5 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý toàn bộ 51% cổ phần trong Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc ("Hùng Vương Sông Đốc") cho bên thứ ba với tổng giá trị chuyển nhượng là 32.130.000.000 VND. Việc chuyển nhượng này được chấp thuận bởi Hội đồng Quản trị vào ngày 3 tháng 5 năm 2019.

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	nuôi trồng và chế biến thủy sản	Đang hoạt động	48,00	288.000.000.000	48,00	288.000.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng ("VTF") (*)	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm	Đang hoạt động	33,16	260.414.081.998	33,16	260.414.081.998
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	nuôi trồng và chế biến thủy sản	Đang hoạt động	40,00	100.000.000.000	40,00	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản, gia súc và gia cầm	Đang hoạt động	38,75	31.000.000.000	38,75	31.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy sản	Đang hoạt động	60,00	30.000.000.000	60,00	30.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Vĩnh Long	chế biến, mua bán và bảo quản thủy sản	Đang hoạt động	31,67	19.000.000.000	31,67	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Bóng đá Hùng Vương - An Giang	hoạt động của các câu lạc bộ thể thao và các cơ sở thể thao	Đang hoạt động	48,00	2.042.400.000	48,00	2.042.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>730.456.481.998</b>		<b>730.456.481.998</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(137.655.113.340)		(94.913.510.569)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>				<b>592.801.368.658</b>		<b>635.542.971.429</b>

(\*) Công ty đã thế chấp 8.200.000 cổ phiếu VTF để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19) và Công ty đã thế chấp 14.700.000 cổ phiếu VTF để đảm bảo cho khoản vay của ASI tại ngân hàng thương mại.



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu %	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	2.240.000.000	224.000 0,75	2.240.000.000	224.000 0,75
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	200.000.000	20.000 10,00	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.440.000.000</b>		<b>2.240.000.000</b>	<b>224.000</b>

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước (*)	14.043.840.608	14.496.945.932
Phí bảo trì	620.991.676	1.548.364.075
Công cụ và dụng cụ	255.676.661	417.156.665
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.920.508.945</b>	<b>16.462.466.672</b>

(\*) Như đã được đề cập trong *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp quyền thuê đất để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	2.873.566.691.409	2.029.965.164.104
Bên thứ ba	<u>485.577.930.369</u>	<u>943.376.880.287</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.359.144.621.778</u></b>	<b><u>2.973.342.044.391</u></b>

Chi tiết các khoản phải trả người bán ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	3.346.825.487.502	2.966.289.965.859
Nhà cung cấp nước ngoài	<u>12.319.134.276</u>	<u>7.052.078.532</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.359.144.621.778</u></b>	<b><u>2.973.342.044.391</u></b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>USD</i>	529.400	309.302

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 28</i> )	121.752.091.627	152.180.139.898
Bên thứ ba	<u>14.334.811.628</u>	<u>12.200.304.292</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>136.086.903.255</u></b>	<b><u>164.380.444.190</u></b>

Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	133.899.212.768	161.716.565.355
Khách hàng nước ngoài	<u>2.187.690.487</u>	<u>2.663.878.835</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>136.086.903.255</u></b>	<b><u>164.380.444.190</u></b>
<i>Trong đó, ngoại tệ:</i>		
<i>USD</i>	94.772	110.367



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	126.136.174.126	15.993.820.665	(49.455.724.782)	92.674.270.009
Thuế phải thu	59.860.812.201	133.909.859	(868.685.808)	59.126.036.252
<i>Trong đó:</i>				
Thuế nhập khẩu	46.083.013.225	133.909.859	-	46.216.923.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
nộp thừa	12.909.113.168	-	-	12.909.113.168
Khác	868.685.808	-	(868.685.808)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>185.996.986.327</b>	<b>16.127.730.524</b>	<b>(50.324.410.590)</b>	<b>151.800.306.261</b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.513.082.380	(1.444.475.728)	68.606.652
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.513.082.380</b>	<b>(1.444.475.728)</b>	<b>68.606.652</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	161.959.257.610	81.055.806.929
Thưởng hiệu quả	3.435.000.000	2.525.606.350
Chi phí bốc xếp hàng hóa	100.000.000	300.000.000
Khác	1.514.512.581	348.191.382
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>167.008.770.191</b>	<b>84.229.604.661</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ ngắn hạn	126.890.000.000	162.890.000.000
Tạm ứng hoàn lại phải trả	58.579.618.555	567.878.186.499
Khác	4.682.524.603	12.948.842.692
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>190.152.143.158</b>	<b>743.717.029.191</b>
<i>Trong đó:</i>		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	185.656.304.517	659.308.409.168
Bên thứ ba	4.495.838.641	84.408.620.023

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	VND
Vay từ ngân hàng (*)	<u>1.671.764.828.392</u>	<u>1.330.644.036.186</u>	<u>(1.508.947.565.489)</u>	<u>1.493.461.299.089</u>	

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	939.705.222.179	Từ ngày 3 tháng 10 năm 2019 đến ngày 30 tháng 7 năm 2020	9,20	Số dư tài khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng này; các khoản phải thu khách hàng của Công ty; hàng tồn kho; các khoản ký quỹ; 19.000.000 cổ phiếu AGF thuộc sở hữu của Công ty; và 8.200.000 cổ phiếu VTF thuộc sở hữu của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi (**)	553.756.076.910	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2017 đến ngày 27 tháng 4 năm 2018	Từ 5,30 đến 7,00	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; máy móc và thiết bị sở hữu bởi Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>1.493.461.299.089</b></u>			

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty chưa thanh toán các khoản vay ngắn hạn phải trả tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi ("VCB") với số tiền 553.756.076.910 VND. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình xin sự phê duyệt của VCB chấp thuận cho việc giãn thời gian thanh toán khoản nợ gốc này và lãi vay.



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng	VND
<b>Năm trước</b>							
Số đầu năm	2.270.391.980.000	62.796.819.000	(50.963.000.000)	3.688.254.234	(619.904.470.801)	1.666.009.582.433	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	190.262.255.973	190.262.255.973	
Khác	(9.070.000)	-	-	-	9.070.000	-	
Số cuối năm	2.270.382.910.000	62.796.819.000	(50.963.000.000)	3.688.254.234	(429.633.144.828)	1.856.271.838.406	
<b>Năm nay</b>							
Số đầu năm	2.270.382.910.000	62.796.819.000	(50.963.000.000)	3.688.254.234	(429.633.144.828)	1.856.271.838.406	
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(1.064.809.083.630)	(1.064.809.083.630)	
Số cuối năm	2.270.382.910.000	62.796.819.000	(50.963.000.000)	3.688.254.234	(1.494.442.228.458)	791.462.754.776	

(\*) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ 20% trên số lượng cổ phiếu phổ thông tại ngày này. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua theo Nghị quyết ngày 9 tháng 4 năm 2015 và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Công văn số 7985/UBCK/QLPH vào ngày 25 tháng 12 năm 2015. Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này đã làm âm lợi nhuận chưa phân phối lũy kế trên báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày đó do việc Công ty sử dụng lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất để thực hiện việc chi trả cổ tức tại. Trong những năm sau và cho tới ngày của báo cáo tài chính riêng này, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế bị âm trên báo cáo tài chính riêng tại ngày chia cổ tức đã được khắc phục bằng lợi nhuận thu được từ việc thanh lý các công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	2.270.382.910.000	2.270.391.980.000
Giảm khác	-	(9.070.000)
Số cuối năm	<u>2.270.382.910.000</u>	<u>2.270.382.910.000</u>

**20.3 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	227.038.291	227.038.291
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	227.038.291	227.038.291
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(5.096.300)	(5.096.300)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	221.941.991	221.941.991



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.891.596.183.197</b>	<b>4.233.140.567.731</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản</i>	2.052.374.683.491	2.289.211.668.434
<i>Doanh thu xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản</i>	710.193.432.050	1.421.058.937.734
<i>Doanh thu nội địa - hàng hóa</i>	66.717.903.480	479.215.417.030
<i>Doanh thu nội địa - bột cá</i>	25.698.225.490	13.368.013.900
<i>Doanh thu nội địa - phụ phẩm chế biến</i>	20.697.033.986	18.693.249.440
<i>Doanh thu nội địa - mỡ cá</i>	15.260.359.240	7.210.313.140
<i>Doanh thu gia công và dịch vụ khác</i>	654.545.460	4.382.968.053
<b>Trừ</b>	<b>(12.359.003.124)</b>	<b>(43.248.067.757)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(11.341.515.633)	(41.017.196.968)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(1.017.487.491)	(2.230.870.789)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>2.879.237.180.073</u></b>	<b><u>4.189.892.499.974</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản</i>	2.052.374.683.491	2.289.211.668.434
<i>Doanh thu xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản</i>	697.834.428.926	1.377.810.869.977
<i>Doanh thu nội địa - hàng hóa</i>	66.717.903.480	479.215.417.030
<i>Doanh thu nội địa - bột cá</i>	25.698.225.490	13.368.013.900
<i>Doanh thu nội địa - phụ phẩm chế biến</i>	20.697.033.986	18.693.249.440
<i>Doanh thu nội địa - mỡ cá</i>	15.260.359.240	7.210.313.140
<i>Doanh thu gia công và dịch vụ khác</i>	654.545.460	4.382.968.053
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	1.852.680.710.493	2.137.584.874.795
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	1.026.556.469.580	2.052.307.625.179

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.043.821.794	3.022.556.957
Cổ tức được chia	1.463.373.530	109.912.199.187
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	327.765.250	20.662.181.852
Lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con	-	625.288.752.648
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.834.960.574</u></b>	<b><u>758.885.690.644</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán nội địa - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	2.099.719.664.887	2.270.034.857.893
Giá vốn bán xuất khẩu - hoạt động nuôi trồng - chế biến thủy sản	678.405.737.920	1.459.682.152.428
Giá vốn bán nội địa - hàng hóa	65.858.688.057	470.229.346.658
Giá vốn bán nội địa - bột cá	25.698.225.490	13.052.509.817
Giá vốn bán nội địa - phụ phẩm chế biến	20.671.221.402	18.693.249.440
Giá vốn bán nội địa - mỡ cá	15.260.359.240	7.518.095.740
Giá vốn dịch vụ kho lạnh và các dịch vụ khác	5.712.906.796	19.008.178.967
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.911.326.803.792</u></b>	<b><u>4.258.218.390.943</u></b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	311.464.611.325	173.546.421.390
Chi phí lãi vay	171.348.463.210	142.049.582.403
Lỗ từ thoái vốn đầu tư	8.625.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.774.579.819	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm	1.154.460.262	4.639.874.549
Khác	799.589.741	4.034.513.285
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>501.166.704.357</u></b>	<b><u>324.270.391.627</u></b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>197.154.991.567</b>	<b>144.267.538.891</b>
Chi phí vận chuyển	187.826.430.921	116.819.243.000
Phí hoa hồng	2.055.513.431	3.406.547.429
Chi phí khấu hao	407.379.283	6.842.667.596
Chi phí khác	6.865.667.932	17.199.080.866
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>228.187.378.958</b>	<b>112.359.314.456</b>
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	175.676.832.693	76.117.906.923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.998.014.113	4.284.509.105
Chi phí lương	16.016.091.790	17.969.931.571
Chi phí khấu hao	3.892.159.230	2.050.860.606
Chi phí khác	11.604.281.132	11.936.106.251
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>425.342.370.525</u></b>	<b><u>256.626.853.347</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>18.063.794</b>	<b>101.632.193.305</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	100.860.451.188
Khác	18.063.794	771.742.117
<b>Chi phí khác</b>	<b>(77.027.598.225)</b>	<b>(10.625.167.601)</b>
Xóa sổ nguyên liệu kém phẩm chất	(73.573.904.313)	-
Chi phí phạt	(2.359.942.648)	(9.143.816.307)
Khác	(1.093.751.264)	(1.481.351.294)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>(77.009.534.431)</b>	<b>91.007.025.704</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	2.423.101.498.282	3.589.712.012.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	341.498.114.212	340.999.064.315
Chi phí dự phòng	175.676.832.693	76.117.906.923
Chi phí lương	45.442.377.704	66.075.814.733
Chi phí khấu hao và hao mòn	12.382.692.946	17.981.151.850
Chi phí khác	39.524.802.067	27.109.824.715
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.037.626.317.904</b>	<b>4.117.995.775.038</b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	(4.760.447.910)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(34.035.811.172)	(5.646.876.522)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(34.035.811.172)</b>	<b>(10.407.324.432)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.030.773.272.458)</b>	<b>200.669.580.405</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(206.154.654.492)	40.133.916.081
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(292.674.706)	(21.982.439.837)
Chi phí không được trừ	95.970.418.175	16.120.554.773
Lỗ thuế chuyển sang năm sau	103.500.596.730	-
Xóa sổ tài sản thuế TNDN hoãn lại ước tính trên lợi nhuận tính thuế các năm sau	41.010.135.465	-
Khác	1.990.000	7.355.000
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(23.872.061.585)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>34.035.811.172</b>	<b>10.407.324.432</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên (lỗ) lợi nhuận tính thuế của năm hiện tại. (Lỗ) lợi nhuận tính thuế của Công ty khác với (lỗ) lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì (lỗ) lợi nhuận tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27.3 Lỗ chuyển sang các năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 827.268.893.175 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2018: 723.768.296.445 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai.

Chi tiết các khoản lỗ tính thuế chuyển sang năm sau như sau:

			VND		
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/9/2019	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/9/2019
2014	2019	21.091.452.304	-	(21.091.452.304)	-
2015	2020	111.072.397.048	-	-	- 111.072.397.048
2016	2021	164.521.558.149	-	-	- 164.521.558.149
2017	2022	427.082.888.944	-	-	- 427.082.888.944
2019	2024	103.500.596.730	-	-	- 103.500.596.730
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>827.268.893.175</b>	<b>-</b>	<b>(21.091.452.304)</b>	<b>806.177.440.871</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các kỳ trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.4 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗi tính thuế	-	41.010.135.465	(41.010.135.465)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3.728.555.706	3.728.555.706	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.499.950.911	(5.379.539.202)	6.879.490.113	(5.669.825.527)
Chi phí phải trả	729.593.726	634.759.546	94.834.180	22.949.005
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần</b>	<b><u>5.958.100.343</u></b>	<b><u>39.993.911.515</u></b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>(34.035.811.172)</u></b>	<b><u>(5.646.876.522)</u></b>

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí liên quan	-	1.200.000.000

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Mua thành phẩm và hàng hóa Bán cá nguyên liệu và hàng hóa Phí dịch vụ gia công Cổ tức	425.801.383.970 381.740.448.170 45.118.877.149 -	898.721.997.168 895.358.456.960 68.128.664.978 22.433.189.832
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thăng	Công ty liên kết	Đặt cọc mua cá nguyên liệu Mua thức ăn thủy sản Nhận chuyển nhượng phần vốn góp Bán hàng hóa	326.977.044.775 180.000.000.000 -	311.476.302.750 - 236.822.224.200
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Bán cá nguyên liệu và hàng hóa Mua thành phẩm Phí dịch vụ gia công	245.004.201.025 130.614.459.600 14.724.509.760	378.736.972.120 297.677.458.056 36.402.634.695
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Mua cá nguyên liệu Bán cá nguyên liệu và hàng hóa Mua ao cá nguyên liệu Tạm ứng hoàn lại phải thu Dịch vụ cung cấp	295.835.015.990 32.859.207.400 25.807.165.317 6.400.000.000 -	567.237.786.410 - - 104.790.942.507 6.959.394.552



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Mua thành phẩm Bán cá nguyên liệu và hàng hóa Phí dịch vụ gia công Đặt cọc mua cá nguyên liệu	159.687.919.365 150.828.016.750 8.456.425.190 -	278.282.027.410 253.249.174.600 8.085.501.722 20.000.000.000
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Mua thành phẩm và phụ phẩm Bán cá nguyên liệu và hàng hóa Dịch vụ cung cấp Chi phí trả hộ Cho vận phòng	165.765.147.463 138.399.777.155 8.862.598.800 - -	42.547.025.676 34.140.742.000 6.990.967.230 21.360.443.165 600.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	Công ty con	Rút vốn và cân trừ công nợ Tạm ứng hoàn lại phải thu Cổ tức	227.800.000.000 - -	- 204.609.787.581 90.369.857.222 43.491.618.802
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Nhận trả hộ khoản vay của Công ty Mua thành phẩm và cá giống Bán thành phẩm và cá nguyên liệu Bán thức ăn thủy sản Phí dịch vụ gia công Mua cá nguyên liệu và hàng hóa Dịch vụ cung cấp	56.932.934.160 56.142.574.000 21.582.245.080 - - -	25.445.534.000 35.483.158.940 82.225.527.750 17.438.068.457 3.046.511.495 13.591.772
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Phí dịch vụ gia công Chi hộ Góp vốn	30.204.958.728 11.076.392.496 5.770.000.000	9.664.872.660 86.722.965 5.864.000.000
Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải thu	37.800.000.000	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	15.500.000.000	-

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Chi hộ Mua thành phẩm Bán cá nguyên liệu và thành phẩm Cung cấp dịch vụ	5.023.016.740	44.000.000.000 39.000.000.000 14.020.292.000 504.000.000
Ông Lê Nam Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	Thu tiền mua cổ phần Chuyển nhượng cổ phần VTF	255.000.000.000	112.040.222.669 360.000.000.000
Bà Trần Ngọc Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	Tạm ứng hoàn lại phải trả Hoàn tạm ứng	74.000.000.000	74.000.000.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Mua cá giống	300.000.000	384.200.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua bảo hiểm hàng hóa	86.519.689	662.007.333
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa Mua thức ăn thủy sản Tạm ứng hoàn lại phải thu	-	100.149.898.340 38.202.936.750 15.124.661.140
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu Mua thức ăn thủy sản và hàng hóa Bán hàng hóa và dịch vụ	-	73.885.724.576 17.432.350.000 12.831.734.400
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua thức ăn thủy sản Bán hàng hóa	-	10.936.800.000 8.858.318.640
Công ty Cổ phần Giống Hùng Vương Bến Tre	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	-	8.547.200.000

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>					
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Công ty trong cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	182.335.160.383	202.335.160.383	
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ	134.695.489.454 3.076.745.301 1.375.000.000	- - -	
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Bán thành phẩm Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa	59.689.545.025 - -	61.262.974.500 58.227.897.900 10.500.000.000	
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Bán hàng hóa Bán thành phẩm Bán cá nguyên liệu	18.364.599.100 15.992.196.536 -	18.131.961.600 14.948.080.500 130.063.139.900	
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Bán cá nguyên liệu Cung cấp dịch vụ	32.859.207.400 120.000.000	- 60.000.000	
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Bán cá nguyên liệu Bán hàng hóa	3.538.755.987 6.908.000.000	28.828.239.237 3.874.750.000	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	4.525.917.760	5.705.824.200	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	15.948.523	226.539.011	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Bán cá nguyên liệu	-	36.921.244.256	
			<b>463.496.565.469</b>	<b>571.085.811.487</b>	



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Ứng tiền dịch vụ gia công	5.874.932.798	695.561.786	
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Công ty trong cùng tập đoàn	Ứng tiền mua bảo hiểm	13.756.588	-	
			<b>5.888.689.386</b>	<b>695.561.786</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu	185.847.504.676	185.047.504.676	
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	84.376.528.235	84.376.528.235	
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu Cổ tức	71.027.942.507 3.350.529.146	59.190.942.507 3.350.529.146	
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu	52.141.187.447	47.118.170.707	
Công ty TNHH Giồng - Chăn nuôi Việt Thắng An Giang	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải thu	46.300.000.000	8.500.000.000	
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Tạm ứng hoàn lại phải thu	44.264.753.852	23.990.707.773	
Công ty Cổ phần Giồng Hùng Vương Bến Tre	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	21.407.730.556	21.407.730.556	
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Tạm ứng hoàn lại phải thu Cổ tức	15.460.944.715 168.496.584	15.460.944.715	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng Long An	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải thu	15.500.000.000	-	

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)</b>					
Công ty TNHH Châu Á	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải thu	9.325.264.459	3.748.871.963	
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Công ty con	Cổ tức	4.168.496.584	4.168.496.584	
Ông Lê Nam Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	3.068.963.225	255.959.777.331	
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Chi hộ	300.000.000	300.000.000	
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	Công ty con	Khác	857.222	-	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Tắc Vân	Công ty con	Cổ tức	-	810.315.270	
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Lợi nhuận được chia	-	9.000.000.000	
		Tạm ứng hoàn lại phải thu	-	1.280.000.000	
			<b>556.709.199.208</b>	<b>723.710.519.463</b>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng	Công ty liên kết	Mua thức ăn thủy sản	1.233.397.287.141	352.174.520.852	
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây	Công ty liên kết	Mua cá nguyên liệu	393.384.326.104	215.487.040.828	
		Mua ao cá nguyên liệu	25.825.096.606	-	
		Chi phí thuê	7.595.334.000	7.595.334.000	
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Mua thành phẩm	337.969.224.482	409.700.379.758	
		Phí dịch vụ gia công	21.325.611.559	34.416.174.290	
		Mua phụ phẩm	15.887.770.866	12.738.370.796	
		Mua hàng hóa	1.692.506.000	1.142.496.000	
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Mua thành phẩm	194.323.684.452	263.999.686.444	
		Phí dịch vụ gia công	27.675.864.658	18.796.618.208	

## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghị quyết	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)</b>					
Công ty TNHH Hùng Vương Mascato	Công ty liên doanh	Mua thành phẩm Mua phụ phẩm Phí dịch vụ gia công	170.575.902.511 45.862.874.089 16.646.244.336	40.807.473.273 24.145.398.176 7.340.515.593	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	169.248.770.010	169.248.770.010	
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Mua thành phẩm Phí dịch vụ gia công Khác	45.180.819.091 82.893.690.262 86.360.500	195.669.508.617 67.432.955.012 86.360.500	
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long	Công ty liên kết	Mua lúa mì Mua hàng hóa	29.561.272.548 15.919.169.600	36.131.178.988 15.919.169.600	
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công và chi phí thuê	18.503.205.574	21.084.435.174	
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua hàng hóa	8.498.082.363	67.849.261.713	
Công ty Cổ phần Bông đá Hùng Vương An Giang	Công ty con	Tài trợ bóng đá	6.350.760.000	6.350.760.000	
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	Công ty con	Mua cá giống	4.199.232.236	3.279.232.236	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Mua cá nguyên liệu Mua thành phẩm Mua hàng hóa	947.653.898 - -	40.559.330.840 10.988.520.941 6.954.365.332	
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Tác Vân	Công ty con	Mua hàng hóa	15.948.523	15.948.523	
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua bảo hiểm hàng hóa	-	51.358.400	
			<b>2.873.566.691.409</b>	<b>2.029.965.164.104</b>	



## Công ty Cổ phần Hùng Vương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương Tây Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	88.300.550.030	92.300.550.030	
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng mua hàng hóa	28.240.000.001	28.240.000.000	
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Tạm ứng mua thành phẩm	5.144.731.428	31.572.779.700	
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Khác	66.810.168	66.810.168	
			<b>121.752.091.627</b>	<b>152.180.139.898</b>	
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Địa ốc An Lạc	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	34.839.618.555	287.904.140.762	
Công ty TNHH An Lạc	Công ty trong cùng tập đoàn	Tạm ứng hoàn lại phải trả	23.740.000.000	23.740.000.000	
Công ty Cổ phần Châu Âu	Công ty con	Nhận đặt cọc	76.890.000.000	112.890.000.000	
Công ty TNHH Hùng Vương - Vĩnh Long	Công ty liên kết	Ký quỹ	30.000.000.000	30.000.000.000	
Công ty TNHH Hùng Vương - Sa Đéc	Công ty liên kết	Ký quỹ	20.000.000.000	20.000.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	178.581.690	-	
		Khác	8.104.272	-	
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	Công ty con	Tạm ứng hoàn lại phải trả	-	102.774.268.406	
Bà Trần Ngọc Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	Tạm ứng hoàn lại phải trả	-	74.000.000.000	
Ông Lê Nam Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị	Tạm ứng hoàn lại phải trả	-	8.000.000.000	
			<b>185.656.304.517</b>	<b>659.308.409.168</b>	
			<b>3.180.975.087.553</b>	<b>2.841.453.713.170</b>	

**Tổng phải trả các bên liên quan**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết góp vốn**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty có các nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con như sau:

	Theo GCNĐKKD		Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019	
	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ chưa góp
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Hùng Vương Ba Tri	20.000.000.000	80,00	-	16.000.000.000

**Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty có khoản cam kết trị giá 32.014.872.529 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2018: 32.014.872.529 VND) liên quan đến việc thuê đất tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (Thuyết minh số 11 và số 31). Số tiền này đã được thanh toán đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	236.570	1.808.672
- EUR	424	435

**31. NỢ TIỀM TÀNG**

Vào ngày 21 tháng 8 năm 2019, Công ty nhận được Văn bản số 691/2019/CV-HIPC-KT-TT của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước ("HIPC") yêu cầu Công ty thanh toán số tiền thuê đất còn lại cho HIPC theo của Hợp đồng Thuê lại Đất số 09/HĐTĐ/HIPC.09 ("Hợp đồng thuê đất") là 32.014.872.529 VND và các chi phí chậm thanh toán.

Đến ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thanh toán số tiền thuê đất kể trên và đang làm việc với HIPC trong việc tính toán lại tiền phạt và đề nghị được miễn giảm số tiền lãi phạt này cho Công ty theo biên bản làm việc giữa hai bên ký ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo đó, Công ty chưa ghi nhận số tiền phải trả này vào báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**


Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 10 năm 2019, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty đã thông qua việc bán 5.000.000 cổ phiếu quỹ của Công ty với giá bán theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch. Theo đó, thời gian giao dịch dự kiến từ ngày 11 tháng 12 năm 2019 tới ngày 9 tháng 1 năm 2020.

Thêm vào đó, theo Nghị quyết HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2019, HĐQT của Công ty đã thông qua việc mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương Miền Tây ("Hùng Vương Miền Tây") từ các cổ đông hiện hữu. Tại ngày của báo cáo tài chính này, nghiệp vụ mua lại cổ phần của Hùng Vương Miền Tây chưa được hoàn tất.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



\_\_\_\_\_  
Lê Nguyễn Hoàng Quân  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Trần Hiếu Hòa  
Kế toán trưởng



\_\_\_\_\_  
Đương Ngọc Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 1 năm 2020